

Mục Lục

A. Đại cương môn học	1
B.Mục tiêu môn học.....	1
C. Các đơn vị học phần bắt buộc của quy trình kiểm kê	2
D.Quy trình kiểm kê	3
a.Giải thích quy trình	3
b.Giải thích trọng điểm và ví dụ	4
1. Thực hiện bản thảo kiểm kê.....	4
2. In thẻ kiểm kê và danh sách kiểm kê	6
3. Xác nhận tính chính xác của dữ liệu trước kiểm kê thực tế.....	12
4. Nhập dữ liệu kiểm kê thực tế	15
5. Xác nhận và tổng hợp dữ liệu kiểm kê	19
6. In bảng chi tiết lãi/lỗ kiểm kê	20
7. Điều chỉnh lỗ/lãi kiểm kê	25

A. Đại cương môn học

- ♦ Các bài học trước khi học tập quy trình kiểm kê .
- ♦ Giải thích quy trình
 - ✓ Quy trình kiểm kê(Đối tượng học tập của quy trình này chủ yếu là nhân viên quản lý kho, kế toán giá thành và nhân viên IT.)

B. Mục tiêu môn học

Sau khi kết thúc môn học, bạn cần phải hiểu biết:

- ♦ Các bài cần trước khi học tập môn học này
- ♦ Cách thực hiện thao tác và in chứng từ hoặc báo biểu của quy trình kiểm kê

Ghi chú: Thao tác cơ bản xin học tập tại website (<http://elearning.dsc.com.tw/>) .

Hệ thống môn học	Tên môn học
Thao tác cơ bản	Thao tác cơ bản -Bài học đơn giản
	Thao tác cơ bản -Bài in chứng từ
	Thao tác cơ bản -Bài in báo biểu

C. Các đơn vị học phần bắt buộc của quy trình kiểm kê

Ghi chú: cần phải học tập “Thao tác cơ bản” trước

TT học tập	Phân hệ khóa trình (các module)	Tên khóa trình	Thuyết minh	Đề nghị thời gian đọc	Tổng thời gian (Phút)
0	hệ thống quản lý tồn kho	Hướng dẫn và sơ đồ hệ thống quản lý tồn kho	hiểu biết các thao tác hằng ngày và dữ liệu cơ bản liên quan đến chức năng kiểm kê	*trước	36
1		Tóm tắt hệ thống tồn kho		*trước	12
2		Các dữ liệu liên quan đến hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản		*trước	41
3		Quản lý dữ liệu cơ bản		*trước	26
4		Thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm (cơ bản)		*trước	36
5		Thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm (quản lý kho)		*trước	14
6		thao tác hàng ngày-vật tư		*trước	37
7		thao tác hàng ngày-tài chính		*trước	21
8		quản lý kiểm kê		*trước	25
9		quản lý số lô		*trước	17

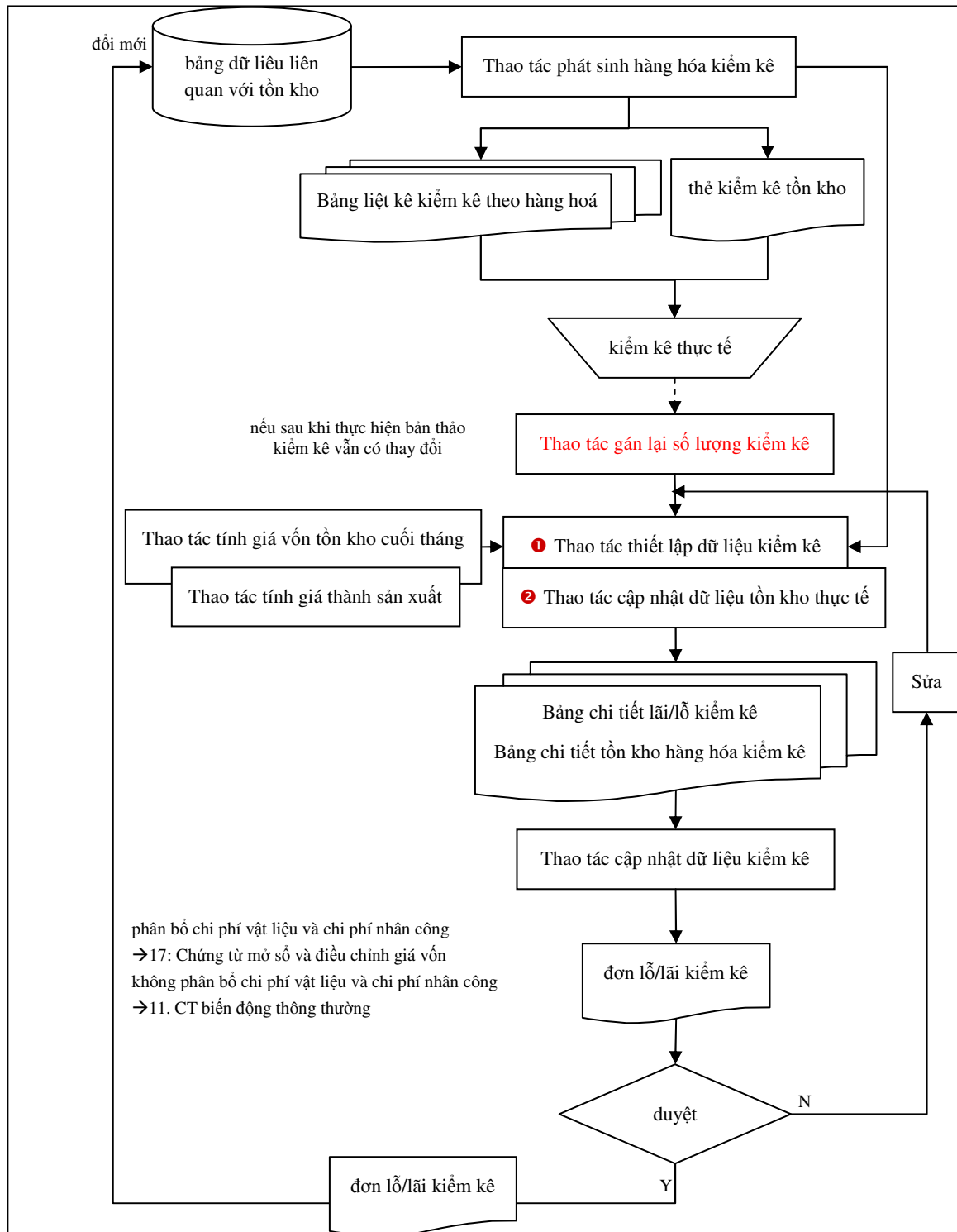
Đề nghị: để đạt được hiệu quả tốt hơn, đề nghị bạn tham khảo tại trang web elearning

(<http://elearning.dsc.com.tw/>) , trước khi học tập khóa trình này,

Ghi chú: Tổng thời gian học tập là (4 giờ 25 phút)

D. Quy trình kiểm kê

a. Giải thích quy trình



- ❶ Một bản thảo kiểm kê chỉ được cung cấp cho một người nhập dữ liệu kiểm kê thực tế.
- ❷ Một bản thảo kiểm kê có thể cung cấp cho nhiều người nhập dữ liệu kiểm kê thực tế (có thể nhập từng dòng).

Ghi chú: tham khảo bài “Hệ thống quản lý tồn kho \ quản lý kiểm kê”.

SP sẽ kiểm kê trong tuần thứ hai định nghĩa là W2, thì khi thực hiện bản thảo kiểm kê có thể chỉ định mã kiểm kê. (Nếu là kiểm kê lớn giữa năm hoặc cuối năm, vì cần kiểm tất cả loại vật liệu, vậy khi thực hiện bản thảo kiểm kê có thể không thiết lập mã kiểm kê.)

8. Nếu công ty thực hành quản lý số lô, có thể chọn “thực hiện phát sinh số lô” thuộc “không quản lý số lô” hoặc “quản lý số lô” hoặc “hai điều đều thực hiện”, nếu chọn “quản lý số đợt” thì có thể quyết định “số lô đã kết thúc cần kiểm kê hay không”.
9. Nếu là một mã SP, khi lưu ở vị trí lưu từ khác nhau trong một kho, có thể quyết định dữ liệu kiểm kê sẽ phát sinh, có thể sẽ phân biệt thực hiện theo vị trí lưu trữ hay không, nếu chọn mục này, thì mã SP nào nếu có 3 vị trí trong một kho, thì bản thảo kiểm kê sẽ trình bày 3 món tư liệu.
10. Có thể chọn mục theo tình trạng thực tế như sau:
 - Chỉ phát sinh kiểm kê có biến động trước đó: chỉ kiểm kê mã SP có giao dịch sau ngày kiểm kê lần trước(căn cứ phán đoán: “ngày kiểm kê lần trước” của thân đơn trong “thao tác lập dữ liệu mã SP”).
Ghi chú: chứng từ dùng để điều chỉnh lỗi lỗi kiểm kê, tính chất chứng từ chọn “cập nhật ngày kiểm kê”.
 - Chỉ phát sinh mục có biến động sau ngày nào đó: cần điền ngày vào, thì chỉ kiểm kê mã SP có nhập hoặc xuất sau ngày nhập (căn cứ phán đoán: “ngày nhập kho gần nhất” và “ngày xuất kho gần nhất” của thân đơn trong “thao tác lập dữ liệu mã SP”).
Ghi chú: trừ thân đơn của “hệ thống quản lý tồn kho” và “hệ thống quản lý kết cấu sản phẩm” cần tự chọn “cập nhật ngày nhập kho” và “cập nhật ngày xuất kho” trong “tính chất chứng từ”, chứng từ có thể ảnh hưởng số lượng tồn kho khác đều do hệ thống tự động cập nhật lại.
 - Mã SP lượng tồn kho trên sổ sách bằng 0: chỉ đối với SP có lượng tồn kho trên sổ là 0 cũng có thể thực hiện bản thảo kiểm kê.
11. thiết lập lựa chọn xong, bấm phím “xác nhận”, hệ thống sẽ chọn dữ liệu và hiện thị tại “Thao tác thiết lập dữ liệu kiểm kê”.

Luyện tập 1:


Quản lý kho mọi tháng tiến hành kiểm kê tuần hoàn, đối với mã SP có “mã kiểm kê tuần hoàn” là “M1”, thực hiện kiểm kê bản thảo.

2. In thẻ kiểm kê và danh sách kiểm kê

- ♦ **Vị trí thao tác:** Hệ thống quản lý tồn kho \ quản lý kiểm kê tồn kho \ Thẻ kiểm kê tồn kho
- ♦ Giải thích ví dụ: in thẻ kiểm kê, và gắn trên giá vật liệu, cung cấp cho nhân viên kiểm kê lại và nhân viên kiểm kê phân biệt mã SP và đối chiếu kết quả kiểm kê.

The kiểm kê tồn kho(INVR12)[測試資料庫]

Mục chọn cơ bản | Mục chọn cấp sau | Mục chọn HT




① Chọn mã ban thao kiểm kê [123101] 

Chọn STT ban thao kiểm kê

Từ


đến


PP phân loại

Loại   

Chọn mã SP

☒ Chọn kỳ

Từ 








đến 

Chọn in

Chọn số lô

Từ

đến

 In  Xem trước  BC thiết kế  Đặt máy in  Kiểu giấy  Hủy bỏ  Đặt riêng

The kiểm kê tồn kho(INVR12)[測試資料庫]

Mục chọn cơ bản Mục chọn cấp sau Mục chọn HT

Chọn xương

Chọn kho

☐ Chọn kỳ

Chọn vị trí lưu kho

Từ

đến

2 Chọn PT in

3

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Chọn “mã SP bản thảo kiểm kê” sẽ in.
2. Chọn phương thức in là “không in số lượng” hoặc “số lượng kiểm kê” hoặc “SL sổ sách”.

Ghi chú: chọn “không in số lượng” là mong muốn nhân viên kiểm kê tại chỗ thực sự kiểm kê, loại trừ trực tiếp chép số lượng trên sổ, nếu trong công ty thực hành thẻ sổ tồn kho, khi kiểm kê tại chỗ cần đối chiếu với SL sổ sách”, cũng có thể chọn in “SL sổ sách”. Cần coi tình hình quản lý trong công ty khác nhau để chọn lựa.

3. Bấm “xem trước” sẽ hiện thị như sau:

Thẻ kiểm kê(ví dụ):

<div style="text-align: center;"> <p>測試資料庫</p> <p>Thẻ kiểm kê tồn kho</p> </div> <p>Ngày kiểm kê: 31/12/2009 Mã bản thảo: 123101-</p> <p>Kho: 1C kho NL 原料倉</p> <p>Mã SP: INV1002</p> <p>Tên và quy cách: 底座 100P</p> <p>Số lô: ĐV tồn kho: PCS</p> <p>Vị trí tồn kho: ĐV nhỏ:</p> <div style="border: 2px solid red; padding: 5px; margin-top: 10px;"> <p>Người kiểm kê đầu tiên: _____</p> <p>Số lượng kiểm kê đầu tiên: _____</p> <p>Người kiểm kê lại: _____</p> <p>Số lượng kiểm kê lại: _____</p> </div> <p>Ghi chú:</p> <p style="text-align: right;">Trang: 0001</p>	<div style="text-align: center;"> <p>測試資料庫</p> <p>Thẻ kiểm kê tồn kho</p> </div> <p>Ngày kiểm kê: 31/12/2009 Mã bản thảo: 123101-00001</p> <p>Kho: 1C kho NL 原料倉</p> <p>Mã SP: INV1002</p> <p>Tên và quy cách: 底座 100P</p> <p>Số lô: ĐV tồn kho: PCS</p> <p>Vị trí tồn kho: ĐV nhỏ:</p> <p>Người kiểm kê đầu tiên: _____</p> <p>Số lượng kiểm kê đầu tiên: _____</p> <p>Người kiểm kê lại: _____</p> <p>Số lượng kiểm kê lại: _____</p> <p>Ghi chú:</p> <p style="text-align: right;">Trang: 0001</p>
--	---


♦ Giải thích trọng điểm:

1. Tiến hành kiểm kê tại chỗ, các nhân viên phụ trách cần điền số lượng, ký tên.
2. “Thẻ kiểm kê tồn kho” thông thường là một kiểu hai liên liên, một liên gắn trên giá vật liệu, thuận lợi cho việc phân biệt và chép số lượng kiểm kê, một liên khác giao cho đơn vị kế toán để kiểm tra .

- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý tồn kho \ quản lý kiểm kê tồn kho \ Bảng liệt kê kiểm kê theo hàng hoá
- ♦ Giải thích ví dụ: in bảng liệt kê kiểm kê giao cho đơn vị liên quan tiến hành kiểm kê.

Bảng liệt kê kiểm kê theo hàng hóa(INVR11)[測試資料庫]




Mục chọn cơ bản | Mục chọn cấp sau | Mục chọn HT

Chọn mã ban thao kiểm kê 123101  ❶

Chọn STT ban thao kiểm kê


Từ Đến


PP phân loại ke toan

Loại   

Chọn mã SP

☒ Chọn kỳ





Từ 

Đến 

Chọn in In cả hai

Chọn số lô


Từ Đến

 CN
 Hủy bỏ
 Chu kỳ
 Đặt riêng

Bảng liệt kê kiểm kê theo hàng hóa(INVR11)[測試資料庫]




Mục chọn cơ bản Mục chọn cấp sau Mục chọn HT

2

Chọn xưởng 

Chọn kho


☐ Chọn kỳ


  


Chọn vị trí lưu kho


Từ Đến

3

 CN

 Hủy bỏ

 Chu kỳ

 Đặt riêng

Giải thích trọng điểm:

1. Chọn “mã số bản thảo kiểm kê”.
2. Thông thường “xưởng” và “kho” “vị trí lưu kho” khác nhau, cần phân biệt kiểm kê, có thể thông qua chọn theo đợt, phân biệt thực hiện danh sách kiểm kê.
3. Bấm “Xác nhận”, giao cho trung tâm xếp việc để thực hiện “danh sách kiểm kê mã SP”, kết quả như sau:

Danh sách kiểm kê mã SP (kiểu mẫu):

Success Co., Ltd.

Bảng liệt kê kiểm kê theo hàng hóa

Ngày lập: 2007/12/31

Trang 1

MS bản thảo	STT bản thảo	Mã số	Tên VP	Quy cách	MS kho Tên loại kho	ĐV Đơn vị nhỏ	Sốt đợt	Vị trí dự trữ	Số lượng kiểm kê đầu	Số lượng kiểm kê lại
123101	00001	INV1001	Footpad SL	500 color:black	1C Material	PCS				
	00002	INV1001	Footpad SL	500 color:black	1I Temporary borrow in	PCS				
	00003	INV1001	Footpad SL	500 color:black	2B Semi-finished Goods(Taichung)	PCS				
	00004	INV1002	Chair mounting	100P	1C Material	PCS				
	00005	INV1002	Chair mounting	100P	2B Semi-finished Goods(Taichung)	PCS				
	00006	INV1004	Wheel	plastic	1C Material	PCS				
	00007	INV1004	Wheel	plastic	1G Material	PCS				
	00008	INV1004	Wheel	plastic	2B Operation Site	PCS				
	00009	INV1005	Wheel X	2" plastic	2B Semi-finished Goods(Taichung)	PCS				
	00010	INV1007	Armrest O	plastic, color:gr	1C Material	PCS				
	00011	INV1007	Armrest O	plastic, color:gr	1L Material	PCS				
	00012	INV1007	Armrest O	plastic, color:gr	2B Temporary outsource	PCS				
	00013	INV1009	Calfskin	color:black	1C Material	Y				
	00014	INV1010	Backrest	color:black size:	1C Material	PCS				

Tọa độ (In.): (5.40, 0.51) (X: 518, Y: 49)

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Các nhân viên phụ trách tiến hành kiểm kê tại chỗ, đối chiếu mã SP, tự điền số lượng vào mục số lượng kiểm kê lần đầu/kiểm kê lại, và ký tên.

Luyện tập 2:

Lấy dữ liệu bản thảo do luyện tập 1 phát sinh, in thành thẻ kiểm kê và danh sách kiểm kê (giảng viên xem trên giao diện).

3. Xác nhận tính chính xác của dữ liệu trước kiểm kê thực tế

- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý tồn kho \ quản lý kiểm kê tồn kho \ **Thao tác gắn lại số lượng kiểm kê**
- ♦ Giải thích ví dụ: kế hoạch chuẩn bị kiểm kê sớm hơn, ngày 28 tháng 12 thực hiện trước dữ liệu bản thảo kiểm kê, nhưng từ thực hiện bản thảo kiểm kê (ngày 28 tháng 12) đến kiểm kê thực tế (ngày 31 tháng 12) vẫn có biến động tồn kho, vậy **trước dữ liệu kiểm kê thực tế**, tính toán lại một lần nữa “số lượng kiểm kê” trong bản thảo kiểm kê, để “số lượng kiểm kê” là số lượng của ngày 31 tháng 12.

Bản thảo kiểm kê ngày 28 tháng 12:

Như: số lượng của mã SP “INV1001 Footpad SL” trong “1C Material” là 406982.

STT	Mã số	Tên VP	QC	Loại kho	Tên loại kho	Vị trí dự trữ	Kiểm kê số	Sốt đợt	Số lượng kiểm kê	SL trên sổ
00001	INV1001	Footpad SL	500 color:black	1C	Material				406,982	
00002	INV1001	Footpad SL	500 color:black	1L	Temporary borrow in				10	
00003	INV1001	Footpad SL	500 color:black	2B	Semi-finished Goods(Taichung)				190	
00004	INV1002	Chair mounting	100P	1C	Material				117,254	
00005	INV1002	Chair mounting	100P	2B	Semi-finished Goods(Taichung)				50	
00006	INV1004	Wheel	plastic	1C	Material				405,284	
00007	INV1004	Wheel	plastic	1G	Operation Site				100	
00008	INV1004	Wheel	plastic	2B	Semi-finished Goods(Taichung)				200	
00009	INV1005	Wheel X	2" plastic	1C	Material				102,700	
00010	INV1007	Armrest O	plastic, color:gray	1C	Material				207,322	
00011	INV1007	Armrest O	plastic, color:gray	1L	Temporary outsource				320	

Ngày 29 tháng 12 mã SP “INV1001 Footpad SL” nhập hàng 50 đến “1C Material”.

GP Lập phiếu mua hàng[Success]
DL (D) Tác d[ong(F) Thoát (X)

Phiếu mua 34D Goods Rec. Order B Mã bảo thuế 0.Theo mặc định MS
MS phiếu mua 071229001 Ngày CT 2007/12/29
NMCC 1002 Gen Gen Ngày mua hàng 2007/12/29

Giao dịch Dữ liệu HD DL tiền đặt cọc/EBC Xem DL

NM 001 SL 0
Taipei
MS CT NM
Loại tệ NTD Hối suất 1
ĐK TT ID1 O/A 7 days, check 60days
ĐK GD 1 一般交易

Trạng thái xét N:Không chấp hạn xét duyệt điện tử
Chú ý
Số tay hải quan

STT	Kiểu	Mã số	Tên VP	QC	SL mua hàng	SL tính giá	SL nghiệm thu	ĐV	ĐV tính giá	Loại kho	Tên loại kho
0001	2.MSVP Chờ	INV1001	Footpad SL	500 color:black	50	50	50	PCS	PCS	1C	Material

Số tiền mua hàng nguyên tệ 3,100 Tiền hàng NT 3,100 Tiền hàng nội tệ 3,100
Số tiền khấu nguyên tệ 0 Thuế nguyên tệ 155 Thuế nội tệ 155
Tiền phí mua hàng tệ này 0 Tổng kê nguyên tệ 3,255 TS nội tệ 3,255
Tổng SL 50 Nguyên tệ khấu trừ vốn tự góp 0
Nguyên tệ khấu trừ vốn tự góp 0

Browse Detail Record Counts: 1 INV1001 Footpad SL 127.0.0.1 - 211

Chấp nhận “Thao tác gán lại số lượng kiểm kê”:

Cho lại SL kiểm kê[Success]

Mục chọn cơ bản Mục chọn HT

MS bàn thảo kiểm kê 123101
Ngày kiểm kê 2007/12/31

1 2

✓ CN
✗ Hủy bỏ
↺ Chu kỳ
▶ Đặt riêng

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Chọn “mã số bàn thảo kiểm kê” sẽ đổi mới, sau đó hệ thống sẽ đưa ra “ngày kiểm kê”.
2. Bấm phím “xác nhận”, thì hệ thống sẽ tính toán số lượng đến “ngày kiểm kê”.

Ghi chú: Nếu dữ liệu kiểm kê thực tế đã nhập vào “thao tác lập dữ liệu kiểm

kê” hoặc “thao tác bổ sung dữ liệu kiểm kê thực tế”, thì **tuyệt đối không được thực hiện thao tác này**, nếu không dữ liệu đã nhập sẽ bị che lấp.

Bản thảo kiểm kê sau khi tính lại: số lượng của mã SP “INV1001 Footpad SL” trong “1C Material” là 407082(đã gồm nhập hàng ngày 29 tháng 12 với số lượng 50).

Thao tác lập dữ liệu kiểm kê[Success]
DL (D) Tác d...ng(F Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

MS bản thảo kiểm kê 123101

Ngày kiểm kê 2007/12/31 ☐ Chú ý

STT	Mã số	Tên VP	QC	Loại kho	Tên loại kho	Vị trí dự trữ	Kiểm kê số ...	Sốt đợt	Số lượng kiểm kê	SL trên sổ
00001	INV1001	Footpad SL	500 color:black	1C	Material				407,032	
00002	INV1001	Footpad SL	500 color:black	1I	Temporary borrow in				10	
00003	INV1001	Footpad SL	500 color:black	2B	Semi-finished Goods(Taichung)				190	
00004	INV1002	Chair mounting	100P	1C	Material				117,254	
00005	INV1002	Chair mounting	100P	2B	Semi-finished Goods(Taichung)				50	
00006	INV1004	Wheel	plastic	1C	Material				405,284	
00007	INV1004	Wheel	plastic	1G	Operation Site				100	
00008	INV1004	Wheel	plastic	2B	Semi-finished Goods(Taichung)				200	
00009	INV1005	Wheel X	2" plastic	1C	Material				102,700	
00010	INV1007	Armrest O	plastic, color:gray	1C	Material				207,322	
00011	INV1007	Armrest O	plastic, color:gray	1L	Temporary outsource				320	

Browse Detail Record Counts: 44 INV1001 Footpad SL 127.0.0.1 - 211

Luyện tập 3:

Kiểm tra số lượng của bản thảo kiểm kê “XINV1011 Foam X”, trước một ngày khi kiểm kê, bổ sung một đơn nhập kho khác loại đơn là “119”, số lượng là “50”, thực hiện “**thao tác gán lại số lượng kiểm kê**”, sau đó kiểm tra lại kết quả.

4. Nhập dữ liệu kiểm kê thực tế

- ♦ Phương thức 1: chỉ cung cấp cho một người nhập dữ liệu
- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý tồn kho \ quản lý kiểm kê tồn kho \ Thao tác thiết lập dữ liệu kiểm kê
- ♦ Giải thích ví dụ: nhập dữ liệu kiểm kê thực tế trong hệ thống theo danh sách kiểm kê.

- ♦ Giải thích trọng điểm:

1. Bằng phương thức “tra tìm” mã số bản thảo kiểm kê đã thực hiện.
2. Bấm chọn phím “chỉnh sửa” bắt đầu nhập dữ liệu kiểm kê thực tế.
3. Kiểm tra “mã SP” và “kho” và dữ liệu kiểm kê không có sai sót.

Ghi chú: khi “một mã SP lưu ở nhiều kho” sẽ có nhiều món dữ liệu, như:

“mã SP INV1004 Wheel”, trong “1C Material”, “1G Operation Site”, “2B Semi-finished Goods(Taichung)” đều có tồn kho, thì sẽ bày tỏ 3 món dữ liệu.

4. Kiểm tra nhập “mã SP” và “vị trí lưu kho” và dữ liệu kiểm kê không có sai sót.

Ghi chú: “một mã SP trong một kho, lưu ở nhiều vị trí” và khi thực hiện

bản thảo kiểm kê chọn “mã SP không có cùng vị trí lưu phân biệt phát sinh” sẽ có nhiều món dữ liệu, như: “mã SP 4001 Office chair SL”, phân biệt ở vị trí “a”, “b”, “c” đều có tồn kho, thì sẽ thể hiện 3 món dữ liệu, nhưng cộng số lượng tổng tồn kho chỉ bày tỏ trên dữ liệu vị trí thứ nhất.

5. Nếu mã SP này có quản lý số lô (Quản lý số lô =Y. không cần kiểm tra lượng tồn kho hoặc T.cần và kiểm tra lượng tồn kho” của “Thao tác thiết lập sản phẩm”), thì trên “bản thảo kiểm kê” đã thực hiện có thể chọn “kiểm kê số lô” để nhắc nhớ, thì khi nhập số lượng kiểm kê, cần chú ý “số lô” chính xác hay không.
- Ghi chú: khi “một mã SP dự trữ ở nhiều kho và có nhiều số lô” có thể có nhiều dữ liệu.
6. Nhập “số lượng kiểm kê” theo dữ liệu kiểm kê thực tế của bảng kê kiểm kê (hệ thống sẽ mặc định “số lượng kiểm kê” là “số lượng trên sổ”,tiện cho việc không cần nhập lại mã SP không có lỗi kiểm kê).

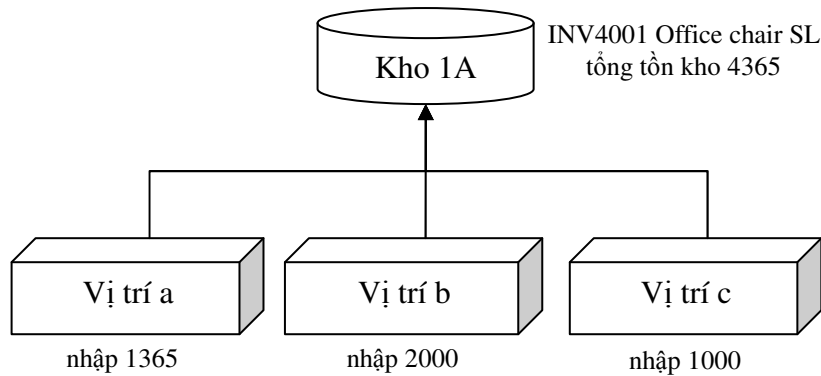
- ♦ Phương thức 2: có thể cung cấp cho nhiều người bổ sung dữ liệu
- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý tồn kho \ quản lý kiểm kê tồn kho \ **Thao tác cập nhật dữ liệu tồn kho thực tế**
- ♦ Giải thích ví dụ: phân phối mã số bản thảo kiểm kê và STT cho nhiều người, đồng thời nhập dữ liệu kiểm kê thực tế vào hệ thống theo bảng liệt kê kiểm kê.

- ♦ Giải thích trọng điểm:
 1. Tra tìm “mã SP bản thảo kiểm kê” và “STT”
 2. Bấm chọn phím “chỉnh sửa”, thì có thể nhiều người bắt đầu nhập dữ liệu.
 3. Kiểm tra nhập “mã hàng”, “tên hàng”, “quy cách” và “kho” và dữ liệu kiểm kê không có sai sót.
 4. Xác nhận số lô có quản chế hay không và số lô chính xác hay không.
 5. Sau kiểm tra “vị trí lưu kho”, nhập “số lượng kiểm kê”.

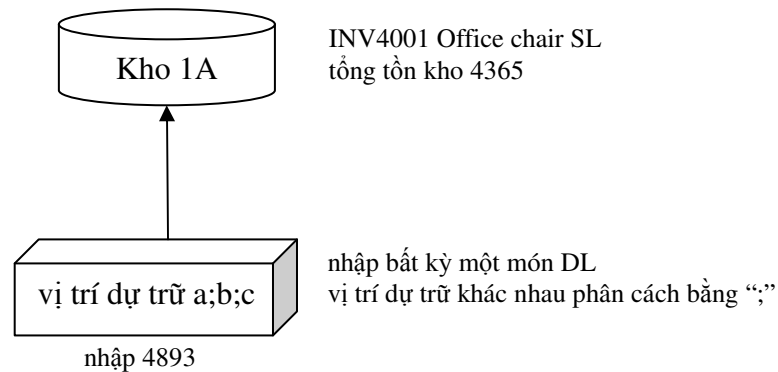
Ghi chú: quản lý thống nhất tổng tồn kho của nhiều vị trí dự trữ, vậy đối với số sản phẩm mà “vị trí dự trữ” khác nhau, khi nhập “số lượng kiểm kê” cung cấp cho 2 phương thức nhập:

Phương thức 1:

Ước tính “INV4001 Office chair SL” có 3 “vị trí dự trữ” a,b và c, có 3 dữ liệu bản thảo kiểm kê, thì có thể nhập số lượng kiểm kê thực tế phân biệt trong 3 dữ liệu.

**phương thức 2:**

Ví dụ “INV4001 Office chair SL” có 3 “vị trí dự trữ” a, b, và c, bản thảo kiểm kê có 3 dữ liệu, thì chỉ cần nhập tổng số lượng kiểm kê thực tế trong một dữ liệu thì được (khi nhập các vị trí dự trữ khác nhau phân cách bằng (dấu chấm phẩy)).

**Luyện tập 4:**

Ví dụ đã hành kiểm kê thực tế, nhập “số lượng kiểm kê”.

số VP	Tên VP	số lượng trên sổ	số lượng kiểm kê thực tế
XINV1001	Footpad SL	1235	1200
XINV1009	Cowskin G	2586	2300
XINV1010	Backrest X	500	600

5. Xác nhận và tổng hợp dữ liệu kiểm kê

- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý tồn kho \ quản lý kiểm kê tồn kho \ Thao tác thiết lập dữ liệu kiểm kê
- ♦ Giải thích ví dụ: Xác nhận tổng hợp số lượng kiểm kê đã nhập xong, tiếp theo chuẩn bị làm “bảng chi tiết lỗi lỗi kiểm kê”.

STT	Mã số	Tên VP	QC	Loại kho	Tên loại kho	Vị trí dự trữ	Kiểm kê số	Số đợt	Số lượng kiểm kê	SL trên sổ
00001	INV1001	Footpad SL	500 color:black	1C	Material				407,032	407,032
00002	INV1001	Footpad SL	500 color:black	1I	Temporary borrow in				12	10
00003	INV1001	Footpad SL	500 color:black	2B	Semi-finished Goods(Taichung)				190	190
00004	INV1002	Chair mounting	100P	1C	Material				117,254	117,254
00005	INV1002	Chair mounting	100P	2B	Semi-finished Goods(Taichung)				48	50
00006	INV1004	Wheel	plastic	1C	Material				405,284	405,284
00007	INV1004	Wheel	plastic	1G	Operation Site				99	100
00008	INV1004	Wheel	plastic	2B	Semi-finished Goods(Taichung)				200	200
00009	INV1005	Wheel X	2" plastic	1C	Material				102,700	102,700
00010	INV1007	Armrest O	plastic, color:gray	1C	Material				207,322	207,322
00011	INV1007	Armrest O	plastic, color:gray	1L	Temporary outsource				325	320
00012	INV1007	Armrest O	plastic, color:gray	2B	Semi-finished Goods(Taichung)				100	100
00013	INV1009	Calfskin	color:black	1C	Material				127,990	127,990
00014	INV1010	Backrest	color:black size:124	1C	Material				72,610	72,610
00015	INV1011	Foam	1500g	1C	Material				81,980	81,980
00016	INV1012	Pontil	2"*4.5	1C	Material				75,000	75,000
00017	INV1014	Wood Screws	4*20	1C	Material				75,000	75,000
00018	INV1015	Hex lag bolts	20M	1C	Material				75,000	75,000
00019	INV1016	T head bolts	Black, T head	1C	Material				20,000	20,000
00020	INV1017	Spring washer	10*22*1.4	1C	Material				20,000	20,000

- ♦ Giải thích trọng điểm:

1. Bấm chọn phím “tổng hợp” trên thanh công cụ trong “thao tác thiết lập tự liệu kiểm kê”, dữ liệu sẽ được tổng hợp lại, tổng hợp số lượng về mã số bản thảo kiểm kê, mã hàng, số lô, kho như nhau mà vị trí dự trữ khác nhau, và điền vào “số lượng trên sổ”.

Luyện tập 5:

Tiếp theo luyện tập trước, tổng hợp xác nhận dữ liệu kiểm kê.

6. In bảng chi tiết lãi/lỗ kiểm kê

- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý tồn kho \ quản lý kiểm kê tồn kho \ Bảng chi tiết lãi/lỗ kiểm kê
- ♦ Giải thích ví dụ: Nhập xong dữ liệu kiểm kê và tổng hợp xác nhận, trình bày kết quả lãi lỗ kiểm kê trong biểu, để theo dõi và phân tích nguyên nhân chênh lệch, đồng thời giao cho đơn vị tài vụ xin phép điều chỉnh tồn kho trên sổ.

Bảng chi tiết lãi/lỗ kiểm kê(INVR13)[測試資料庫]

Mục chọn cơ bản | Mục chọn cấp sau | Mục chọn HT

① Chọn mã ban thao kiểm kê 123101

Chọn ngày kiểm kê

Từ 31

Đến 31

PP phân loại ke toan

Loại

Chọn mã SP

☒ Chọn kỳ

Từ

Đến

Chọn in In ca hai

Chọn số lô

Từ

Đến

✓ CN

✗ Hủy bỏ

⏮️ Chu kỳ

▶️ Đặt riêng

Bảng chi tiết lãi/lỗ kiểm kê(INVR13)[測試資料庫]

Mục chọn cơ bản Mục chọn cấp sau Mục chọn HT

②

Chọn xương

Chọn kho

☐ Chọn kỳ

③

☐ In NVL có số trên số và số thực tế phù hợp

Chọn PT thừa/thiếu: Tất cả

④

☒ In số tiền GT

☒ Có in tạm tính không

✓ CN

✗ Hủy bỏ

⏮️ Chu kỳ

▶️ Đặt riêng

Hiện

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Chọn “mã số bản thảo kiểm kê”.
2. Chọn “xưởng” và “kho” khác nhau cần phát sinh riêng biệt hay không.
3. Có thể chọn “tồn kho thực tế phù hợp tồn kho trên sổ sách” liệt kê hay không (nếu chỉ theo dõi chênh lệch, thì không cần chọn), hoặc chỉ chọn in có lỗi lỗi kiểm kê.
4. Chọn “in số tiền giá thành” và “in tổng cộng” hay không.

Kiểu mẫu bản báo cáo:

Bản không chế công tác nhóm[System Administrator][Success] - [Xem bảng(Bảng chi tiết lỗi kiểm kê-20070817000013-200708170001)]

Người quản lý nhóm công tác: Cũ số

Success Co., Ltd.

Bảng chi tiết lỗi kiểm kê

Ngày lập: 2007/12/31

Trang 1

Draft No.	Physical Inventory Date	Item Name	Lot No.	Unit	Book Qty	al Inventory Qty	Unit Cost	Profit/Loss Qty	Profit/Loss Amount
Inventory Draft S/N	Item No.	Spec.	Warehouse	Small Unit					
123101	2007/12/31	Footpad SL		PCS	10.000	12.000	6.1690	2.000	12.00
30002	INV1001	500 color:black	Temporary borrow in TS:		10.000	12.000		2.000	12.00
123101	2007/12/31	Chair mounting		PCS	50.000	48.000	62.0070	-2.000	-124.00
30005	INV1002	100P	Semi-finished Goods(Taichung) TS:		50.000	48.000		-2.000	-124.00
123101	2007/12/31	Wheel plastic		PCS	100.000	99.000	2.9980	-1.000	-3.00
30007	INV1004		Operation Site TS:		100.000	99.000		-1.000	-3.00
123101	2007/12/31	Armrest O		PCS	320.000	325.000	19.9990	5.000	100.00
30011	INV1007	plastic, color:gray	Temporary outsource TS:		320.000	325.000		5.000	100.00
123101	2007/12/31	Foam		PCS	81,983.000	81,980.000	8.0000	-3.000	-24.00
30015	INV1011	1500g	Material TS:		81,983.000	81,980.000		-3.000	-24.00
123101	2007/12/31	Material		PCS	745.000	750.000	0.0000	5.000	0.00
30022	INV1019	INV1019	Material TS:		745.000	750.000		5.000	0.00
123101	2007/12/31	9605210001		can	1,000.000	1,007.000	0.0000	7.000	0.00
30024	INV1024	9605210001-001	Finished Products TS:		1,000.000	1,007.000		7.000	0.00
123101	2007/12/31	Cushions SL		PCS	50.000	48.000	34.8900	-2.000	-70.00
30028	INV3001	124COVER	Semi-finished Goods(Taichung) TS:		50.000	48.000		-2.000	-70.00

Tọa độ (In.): (2.60, 0.48) (X: 250, Y: 46)

♦ Giải thích trọng điểm:

1. số lượng kiểm kê—số lượng trên sổ=số lượng lỗi lỗi
số lượng kiểm kê—số lượng trên sổ>0→lỗi kiểm kê (số dương)
số lượng kiểm kê—số lượng trên sổ<0→lỗi kiểm kê (số âm)

Giải thích bổ sung

Để phản ứng chính xác “giá thành đơn vị”, cần thực hiện trước “hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác hàng loạt \ thao tác tính giá giá thành cuối tháng” và “hệ thống quản lý giá thành \ thao tác theo đợt \ thao tác tính toán giá thành sản xuất”.

a. Hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác hàng loạt \ Thao tác tính giá vốn tồn kho cuối tháng

Thao tác tính giá vốn tồn kho cuối tháng(INVB03)[測試資料庫]

Mục chọn cơ bản | Tùy chọn loại T | Tính | Mục chọn HT

Năm tháng hiện hành: 09/2008

Tính CP

☒ Chu cập nhật tháng/năm hiện tại

☐ Cập nhật giờ hiện hành

☐ Cập nhật giá thành đV của HS kiểm kê

Chọn mã SP

Từ:

Đến:

1. Trước khi thực hiện chương trình phải thiết lập ngày đóng băng của TK đến
Cuối tháng hiện tại, để bảo đảm người sử dụng khác
Không chỉnh sửa DL

2. Vui lòng xác nhận năm hiện hành trước khi thực hiện thao tác này
Toàn bộ NVL tháng này đã nhập vào,
và không có người khác đang dùng HT này
thì có thể đảm bảo tính chính xác của DL

✓ CN

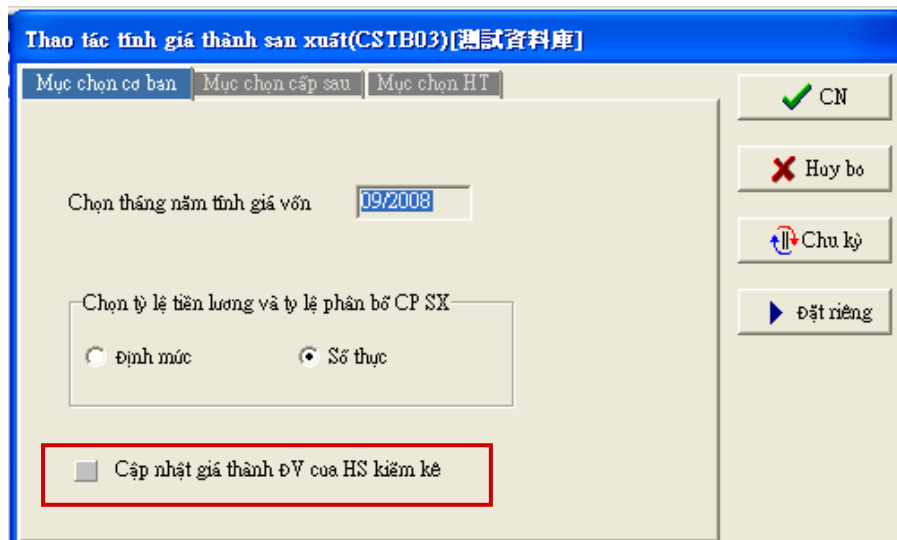
✗ Hủy bỏ

⏮️ Chu kỳ

▶️ Đặt riêng

Ghi chú: cần vạch chọn “Cập nhật giá thành đơn vị của tập tin kiểm kê”.

b. Hệ thống quản lý tính toán giá thành \ thao tác hàng loạt \ Thao tác tính giá thành sản xuất



Ghi chú: cần chọn “Cập nhật giá thành đơn vị của tập tin kiểm kê”.

Luyện tập 6:

Xem và kiểm tra dữ liệu kiểm kê tổng hợp “Bảng chi tiết lãi/lỗ kiểm kê”.

7. Điều chỉnh lỗi/lãi kiểm kê

- ♦ Vị trí thao tác: Hệ thống quản lý tồn kho \ quản lý kiểm kê tồn kho \ Thao tác cập nhật dữ liệu kiểm kê
- ♦ Giải thích ví dụ: xác nhận dữ liệu lỗi lãi kiểm kê, thực hành thao tác này phát sinh đơn điều chỉnh, để điều chỉnh tồn kho trên sổ.

- ♦ Giải thích trọng điểm:
 1. Chọn “mã số bản thảo kiểm kê” cần điều chỉnh.
 2. Chứng từ điều chỉnh có thể chọn thực hiện có 2 loại:
 - a. Đơn điều chỉnh: ý nói số tiền lỗ lãi kiểm kê không phân biệt vật liệu, nhân công, chi phí, chỉ có thể chọn “tính chất chứng từ” là “11.chứng biến động thông thường”.
 - b. Phiếu mở sổ: ý nói số tiền lỗ lãi kiểm kê cần tách rời vật liệu, nhân công, chi phí, chỉ có thể nhập “tính chất chứng từ” là “17.chứng từ điều chỉnh mở sổ giá thành”.
 3. Bấm phím “xác nhận”, hệ thống sẽ tự động thực hiện đơn điều chỉnh. Có thể xem kết quả trong “hệ thống quản lý tồn kho \ xử lý biến động hàng ngày \ thao tác lập chứng từ biến động tồn kho hoặc thao tác mở sổ giá thành/đơn điều chỉnh”.

Ghi chú: nếu đã thực hiện đơn điều chỉnh, sau đó phát hiện sai sót cần điều chỉnh bản thảo kiểm kê đầu tiên, hủy bỏ đơn điều chỉnh, rồi sửa chữa bản thảo kiểm kê đầu tiên sau đó thực hiện lại đơn điều chỉnh, cần chọn mục chọn “cập nhật lại DL đã cập nhật trước”.

Ví dụ về ‘Thao tác cập nhật dữ liệu kiểm kê’ do hệ thống tự động phát sinh chứng từ: :

Chi tiết Xem DL

Loại CT 171 Costs Adjustment EM 001 In 0 PS mã mục chủ

Số đơn 071231001 NM 001 Taipei Lần gửi 0

Ngày CT 2007/12/31 Chứa ý Ngày điều chỉnh 2007/12/31

Trạng thái xét N.Không chấp hành xét duyệt Người CN DS 系統管理者

STT	Mã số	Tên VP	QC	SL	ĐV	VL đơn vị	Nhân công ĐV	Tiền SX ĐV	ĐV gia công
0001	INV1001	Footpad SL	500 color:black	2	PCS	100	0	0	0
0002	INV1004	Wheel	plastic	-1	PCS	51	0	0	0
0003	INV1007	Armrest O	plastic, color.gray	5	PCS	120	0	0	0
0004	INV1011	Foam	1500g	-3	PCS	87	35	0	0

Tổng SL 23 TS tiền 383

Browse Detail Record Counts: 9 INV1001 INV1001 500 color:black 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Kiểm tra loại đơn, số đơn và ngày chứng từ có phải là “ngày kiểm kê” hay không.
2. Kiểm tra xưởng (xưởng khác nhau sẽ phân biệt phát sinh đơn điều chỉnh).
3. Kiểm tra “mã hàng” và “số lượng” điều chỉnh chính xác hay không.
4. Sau khi lưu trữ chứng từ thực hiện quy trình ký duyệt, sau khi ký duyệt sẽ xuất hiện chữ “CONFIRM” màu đỏ. Có thể đến các tập tin tương ứng, như “thao tác lập dữ liệu mã hàng” theo dõi xác nhận kết quả.

Luyện tập 7:

Tiếp theo luyện tập trước, thực hiện “thao tác cập nhật dữ liệu kiểm kê” phát sinh đơn điều chỉnh kiểm kê, sau đó xác nhận chứng từ, kiểm tra dữ liệu liên quan với tồn kho có cập nhật hay không.